

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN H1ỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ H PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Tiến,
- Ông Vũ Đức Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân Huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân H1ện Tiên Lãng, thành phố H Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Toà án nhân dân Huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến (điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân Huyện Tiên Lãng, thành phố H Phòng; điểm cầu thành phần: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, Huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng) vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 19xx; đăng ký thường trú: Thôn T, xã Đ, Huyện T, thành phố H Phòng; chỗ ở: Thôn X, xã N, Huyện Tiên Lãng, thành phố H Phòng, có mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 19xx, đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, Huyện T, thành phố H Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng vào ngày 07 tháng 4 năm 2014.

Anh chị chung sống được hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị T yêu cầu được ly hôn anh H. Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Văn Quốc H1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2014; Nguyễn Văn Quốc H2, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2016 và Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2019. Khi ly hôn, chị T đề nghị Toà án giao con Nguyễn Văn Quốc H1 và Nguyễn Thị Ngọc H3 cho chị trực tiếp nuôi con; giao con Nguyễn Văn Quốc H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự thoả thuận với anh H về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 19/4/2023, bị đơn (anh Nguyễn Văn H) trình bày, xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn như nội dung trình bày của chị T. Anh chị sống hoà thuận với nhau được 05 năm thì mâu thuẫn phát sinh do làm ăn thua lỗ; một phần do anh H mâu thuẫn với gia đình chị T. Khoảng 02 năm nay, anh H bỏ lên Hà Nội làm ăn, anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn vì mong muốn các con có cả bố và mẹ. Tuy nhiên, do thời gian ly thân đã lâu, anh H không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ nên đề nghị Toà án hoà giải cho anh chị đoàn tụ. Anh chị có 03 con chung như chị T trình bày. Kể từ khi anh chị ly thân, cháu H1, cháu H3 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; cháu H2 do anh H trực tiếp nuôi dưỡng có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh H. Trường hợp pH ly hôn, anh H đề nghị Toà án giao con Nguyễn Văn Quốc H2 và Nguyễn Thị Ngọc H3 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Văn Quốc H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H tự thoả thuận với chị T về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng theo quy định pháp luật. Anh chị chung sống hòa thuận với nhau được 05 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, một phần do anh H mãi chơi, không quan tâm đến gia đình. Đầu năm 2021, anh H lên Hà Nội làm việc, anh chị sống ly thân kể từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 03 con chung; kể từ khi anh chị ly thân, cháu H1 và cháu H3 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hưng do anh H trực tiếp nuôi dưỡng có sự hỗ trợ của bố mẹ anh H. Chị T hiện làm công nhân, có thu nhập ổn định; anh H làm lao động tự do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; không ai có văn bản thể hiện việc thay đổi quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà

giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H; giao con Nguyễn Văn Quốc H1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2014 và Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Văn Quốc H2, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Phạm Thị T) thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn (anh Nguyễn Văn H) hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn (anh H) được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H được xác lập từ ngày 07 tháng 4 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh H ham chơi, không quan tâm đến vợ con. Anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài (từ đầu năm 2021 đến nay), không quan tâm đến nhau. Bản thân anh H không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để các con có cả bố và mẹ nhưng lại không có biện pháp nào để vợ

chồng đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Văn Quốc H1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2014; Nguyễn Văn Quốc H2, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2016 và Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2019. Kể từ khi ly thân đến nay, cháu H1 và cháu H3 do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt; cháu H2 do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Chị T hiện làm công nhân, có thu nhập ổn định; anh H hiện làm lao động tự do, có thu nhập nên chị T, anh H đều đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Các cháu H1, H2 đều trên 07 tuổi, cháu Hưng có nguyện vọng ở với bố, cháu H1 có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị T, giao con Nguyễn Văn Quốc H1, Nguyễn Thị Ngọc H3 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Văn Quốc H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện nuôi con thực tế của anh chị và nguyện vọng của các con. Việc cấp dưỡng cho con, do các đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên đề ông bà tự giải quyết với nhau về việc cấp dưỡng cho con là phù hợp.

[6] Về tài sản chung: Chị T, anh H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Văn Quốc H1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2014 và Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2019 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Văn Quốc H2, sinh ngày 09 tháng 12

năm 2016 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006449 ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H Phòng;
- VKSND thành phố H Phòng;
- VKSND H1ện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố H Phòng (GCNKH số 01/2014);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị H1ền T

